

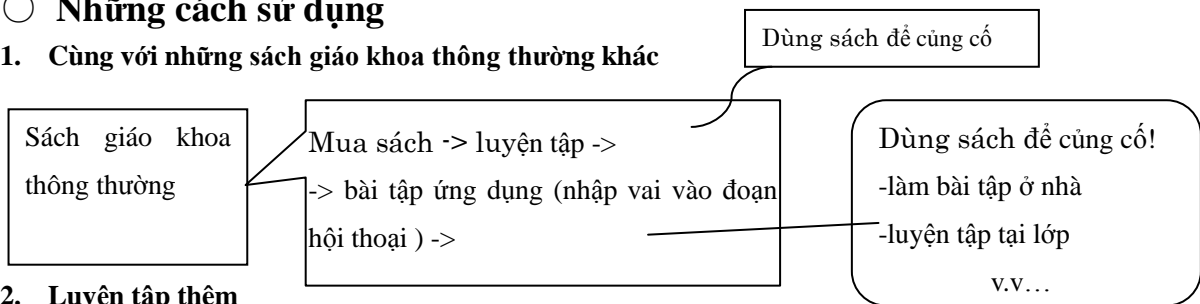
Hướng dẫn sử dụng sách cho độc giả

○ Đặc trưng của sách

Đặc trưng của quyển sách này là cho dù bạn đang học bất kì sách giáo khoa sơ cấp nào, bạn cũng có thể sử dụng quyển sách này. Sách giáo khoa có thể gồm luyện tập ứng dụng, luyện tập mẫu câu hay hội thoại nhưng phần lớn đều là những luyện tập khuôn mẫu. Tuy nhiên, những bài tập khuôn mẫu đó dù làm nhiều lần đi nữa thì vẫn khó có thể áp dụng vào thực tế được. Vì vậy, đọc những mẫu hội thoại hay đoạn văn, từ đó nắm được mạch câu chuyện, hiểu rõ ý nghĩa của mẫu câu để áp dụng chính xác vào thực tế. Cuốn sách này với những bài tập “vừa suy nghĩ vừa giải” được viết ra nhằm giúp bạn hiểu rõ hơn về ngữ cảnh xài và ý nghĩa của văn phạm. Hãy dùng cuốn sách này cùng với sách giáo khoa thông thường, luyện thêm trong giờ học hay bài tập thêm về nhà, ngoài ra bạn cũng có thể ôn tập lại sau những kì kiểm tra hay khóa học, bạn sẽ hiểu thấu đáo hơn về ngữ pháp và áp dụng vào thực tế. Lưu ý, để làm tốt bài tập của sách này thì bạn nên tham khảo thêm sách ngữ pháp chuyên dụng.

○ Những cách sử dụng

1. Cùng với những sách giáo khoa thông thường khác



2. Luyện tập thêm

Đôi khi có những lúc như:

Văn phạm hôm nay học cảm thấy không vững lắm, thấy không ôn cho lắm...muốn luyện tập thêm chút

⇒ Thử mở ra trang văn phạm đó và làm nào

Mẫu câu đó đã từng học rồi nhưng ít khi xài đến nên quên mất ... muốn học lại lần nữa...

⇒ Tìm mẫu câu muốn học rồi mở ra trang đó làm

⇒ “Ôn tập” hay “Nâng cao” -> mở ra trang có mẫu câu đó và làm

Đã hoàn tất khóa sơ cấp nhưng muốn làm thêm bài tập, tự kiểm tra thực lực bản thân

Đang học khóa trung cấp nhưng vẫn không thành thạo mẫu câu sơ cấp

⇒ “Ôn tập” hay “Nâng cao” -> mở ra trang có mẫu câu đó và làm

⇒

3. Dùng để luyện thi “ Năng lực Nhật Ngữ “ hay “ Kỳ thi du học sinh”

Cuốn sách này không được viết ra để luyện thi nhưng nếu bạn muốn tạo nền móng vững chắc trước khi làm đề thi thì cuốn sách này hoàn toàn có thể giúp bạn được.

○ Cấu trúc

1. Kiểm tra nào

Ở đầu mỗi bài sẽ có phần kiểm tra lại kiến thức xem thật sự bạn đã hiểu nghĩa của mẫu câu hay chưa.

Đáp án được in ở dưới cùng bên phải của trang.

2. Làm thử nào

Sau khi kiểm tra xong bạn hãy thử giải những bài tập nhỏ xem sao.

3. One point

Mục này sẽ đưa ra những lỗi dễ mắc phải kèm theo giải thích cách tránh những lỗi đó. Nếu muốn bạn có thể đọc trước mục “One point” rồi làm 2 mục trên.

4. “Ôn tập” và “Nâng cao”

Từ bài 1-23, bài 24-46, bài 47-69, bài 70-79, sau những bài đó tổng cộng sẽ có 4 phần “Ôn tập” giúp bạn củng cố lại những mẫu văn phạm đã được học.

Phần “Nâng cao” sẽ gồm bài tập tổng hợp. Hãy thử kiểm tra lại xem bạn nhớ được bao nhiêu nào.

Ở phần hướng dẫn sử dụng cũng đã ghi, với những bạn đã học xong sơ cấp và muốn ôn tập lại thì nên làm trước 2 mục “kiểm tra nào” và “làm thử nào”, từ đó học lại những mẫu mà bản thân cảm thấy khó hay chưa vững.

5. Đáp án

Đáp án cho các mục lẫn những câu trả lời được dùng trong thực tế đều được in trong phần đáp án.

○ Cách xem phần “Đáp án”

1) Tổng thể

Ví dụ: メールを[送って/して][います/いる]//連絡(を)して[います/いる]

↑
①

↑
②

↑
③

①...một phần của câu văn có những đáp án phức tạp sẽ được chia ra bằng dấu [/], và đáp án được giới hạn trong dấu []

②... Trong trường hợp có nhiều đáp án sẽ được chia ra bằng dấu [//]

③... Có cũng được mà không có cũng không sao sẽ được để trong ngoặc

Do đó, đáp án cho câu sẽ là 「メールを送っています」、「メールを送っている」「メールをしています」「メールをしている」「連絡しています」「連絡をしています」「連絡している」。

2) Từng bài

Ví dụ: 貸して欲しい// (使わせて欲しい)

Câu nằm trong dấu ngoặc đằng sau dấu 「／／」 là mẫu câu có thể xài chung với mẫu trước, và mẫu câu đó sẽ xuất hiện ở những bài sau. (Trong ví dụ này là mẫu câu 「V てほしいです」 của bài 16 và 「使わせる」 của mẫu câu 「V させます」)

3) “Ôn tập” và “Nâng cao”

Ví dụ: 食べなかった／／食べていなかった／／食べていない／／ (食べることができなかった／食べられなかった)

Như đã giải thích ở trên, những mẫu câu từ bài ... đến bài ... sẽ được ra ở phần “Ôn tập” để bạn làm lại một lần nữa và ghi nhớ lâu hơn. Ngoài ra, phần “Nâng cao” sẽ gồm những mẫu câu đã nêu ra trong sách mà bạn đặc biệt nên ghi nhớ. Vì vậy, ngoài những mẫu câu “đáng nhớ”, sau dấu 「／／」 những mẫu câu ở trong ngoặc nếu dùng vẫn đúng.

○ Những từ viết tắt (Parts of speech)

V: động từ (verb)

イ A: tính từ “i” (i-adjective)

1G: động từ nhóm 1 (u-verb)

ナ A: tính từ “na” (na-adjective)

2G: động từ nhóm 2 (ru-verb)

N: danh từ (noun)

3G: động từ nhóm 3 (irregular verb) động từ bất qui tắc

自 : tự động từ (intransitive verb)

他 : tha động từ (transitive verb)

*động từ 2G và 3G không xuất hiện trong sách